

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NGỌC HỒI  
TỈNH KON TUM**

Bản án số: 01/2021/KDTM-ST

Ngày: 30-7-2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI, TỈNH KON TUM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Trường Thọ.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Văn Đông và bà Hoàng Thị Hòa.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thìn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi tham gia phiên tòa:***  
Bà Hiêng Thị Liên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30-7-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 08/2021/TLST-KDTM ngày 29-3-2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXX-ST ngày 24-6-2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2021/QĐST-KDTM ngày 09-7-2021, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ngân hàng N; địa chỉ: Số....., phường T, quận B, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Th – Phó giám đốc phụ trách Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Đắk Tô. (Quyết định ủy quyền số: 2965/QĐ-NHN<sub>0</sub>-PC ngày 27-12-2019). (Có mặt)

***- Đồng bị đơn:***

+ Anh Nguyễn Văn X, sinh năm ..... (Vắng mặt);

+ Chị Phạm Thị D, sinh năm ..... (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn G, xã S, huyện N, tỉnh Kon Tum.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn – Ngân hàng N (viết tắt: Ngân hàng N) trình bày:

Ngày 16-4-2020, anh Nguyễn Văn X và chị Phạm Thị D có vay của Ngân hàng N Chi nhánh huyện Đắc Tô số tiền 2.700.000.000đồng theo Hợp đồng tín dụng số: 5101-LAV-202001296 ngày 16-4-2020. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất cho vay 07%/năm (đến ngày 01-6-2020 được điều chỉnh xuống còn 06%/năm), lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay; mục đích vay để kinh doanh hàng nông sản.

Đến ngày 10-6-2020, anh X, chị D tiếp tục vay của Ngân hàng N Chi nhánh huyện Đắc Tô số tiền 1.250.000.000đồng theo Hợp đồng tín dụng số: 5101-LAV-202001946 ngày 10-6-2020. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất cho vay 09%/năm, lãi suất quá hạn là 150% mức lãi suất cho vay; mục đích vay để kinh doanh hàng nông sản.

Để đảm bảo cho các khoản vay, đồng bị đơn đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại các thửa đất theo:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành: CH 283429 ngày 30-5-2019 do Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp cho ông Nguyễn Văn X và bà Phạm Thị D.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành: CH 283428 ngày 30-5-2019 do Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp cho ông Nguyễn Văn X và bà Phạm Thị D.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành: CK 461493 ngày 11-4-2018 do Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp cho ông Nguyễn Văn X và bà Phạm Thị D.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành: CM 585264 ngày 13-6-2018 do Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp cho ông Nguyễn Văn X và bà Phạm Thị D.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành: BT 157535 ngày 13-6-2016 do Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp cho vợ chồng ông Nguyễn Văn X - bà Phạm Thị D.

Sau khi ký kết hợp đồng, Ngân hàng N Chi nhánh huyện Đắc Tô đã giải ngân toàn bộ số tiền cho vay. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng anh X vi phạm về việc trả nợ. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp để thông báo, đôn đốc, nhưng phía bị đơn vẫn cố tình không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

Vì vậy, Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc anh X và chị D phải trả tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 30-7-2021 của từng khoản vay như sau:

- Đối với khoản vay ngày 16-4-2020: Anh X và chị D phải trả tổng số tiền 1.451.796.939đồng, trong đó: Nợ gốc 1.375.700.000đồng, tiền lãi trong hạn 64.224.460đồng, lãi nợ quá hạn 11.872.479đồng;

- Đối với khoản vay ngày 10-6-2020: Anh X và chị D phải trả tổng số tiền 1.385.924.657đồng, trong đó: Nợ gốc 1.250.000.000đồng, tiền lãi trong hạn 128.219.178đồng, lãi nợ quá hạn 7.705.479đồng.

Đồng thời buộc vợ chồng anh X phải tiếp tục trả tiền lãi nợ quá hạn phát sinh kể từ ngày 31-7-2021 cho đến khi thanh toán hết nợ vay. Nếu anh X, chị D không thực hiện đầy đủ việc trả nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, bán tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để trả tổng số nợ của Ngân hàng thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh X và chị D để thu hồi nợ.

- *Đồng bị đơn - anh Nguyễn Văn X và chị Phạm Thị D:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng đồng bị đơn luôn cố tình vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:*

+ Về việc tuân theo pháp luật:

Trong quá trình chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện các thủ tục tiến hành tố tụng đúng với quy định tại các Điều 30, 35, 39, 48, 97, 195, 196, 203, 204 và 220 và các quy định khác của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về xét xử sơ thẩm vụ án.

Về phía người tham gia tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đồng bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 30, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự; căn cứ các hợp đồng tín dụng, giấy ủy quyền đề ngày 15-4-2020 và các hợp đồng thế chấp có tại hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh X và chị D phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 30-7-2021 như sau:

Đối với lần vay ngày 16-4-2020: Tổng số tiền phải trả là 1.451.796.939đồng, trong đó: Nợ gốc là 1.375.700.000đồng; tiền lãi là 76.096.939đồng.

Đối với lần vay ngày 10-6-2020: Tổng số tiền phải trả là 1.385.924.657đồng, trong đó: Nợ gốc là 1.250.000.000đồng; tiền lãi là 135.924.657đồng.

Tổng số tiền mà anh X, chị D phải trả cho cả 02 khoản vay là 2.837.721.596đồng, trong đó: Nợ gốc là 2.625.700.000đồng; tiền lãi là 212.021.596đồng.

Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL đề nghị tuyên: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, đồng bị đơn phải tiếp tục chịu tiền lãi nợ quá hạn của số tiền dư nợ gốc chưa thanh toán của từng khoản vay.

Trường hợp vợ chồng anh X không thanh toán được khoản nợ của Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định.

Về lệ phí: Căn cứ Điều 157, Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự: Buộc đồng bị đơn phải hoàn trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.200.000đồng.

Về án phí: Áp dụng Điều 144 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị buộc đồng bị đơn phải chịu 88.754.431đồng tiền án phí sơ thẩm; trả lại cho Ngân hàng số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc anh Nguyễn Văn X và chị Phạm Thị D trả số tiền gốc và lãi còn nợ theo hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên. Do vậy, đây là vụ án kinh doanh thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng, quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm khởi kiện anh X, chị D có địa chỉ cư trú tại xã Sa Loong, huyện Ngọc Hồi nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, theo khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, đồng bị đơn – anh X và chị D dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh X, chị D.

[3] Về nội dung:

[3.1] Theo trình bày của Ngân hàng N, vào các ngày 16-4-2020 và 10-6-2020, Ngân hàng N Chi nhánh huyện Đắc Tô có cho anh Nguyễn Văn X và chị Phạm Thị D vay 02 khoản tiền lần lượt là 2.700.000.000đồng và 1.250.000.000đồng. Tuy nhiên, sau khi được giải ngân số tiền vay, đồng bị đơn đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Tính đến ngày xét xử vụ án, vợ chồng bị đơn còn nợ của Ngân hàng N cả tiền vay và tiền lãi của cả 02 lần vay là 2.837.721.596đồng. Do vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc phía bị đơn trả số tiền vừa nêu và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 31-7-2021 cho đến khi vợ chồng anh X thanh toán hết số tiền vay. Nếu anh X, chị D không thực hiện đầy đủ việc trả nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, bán tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, hợp pháp, nguyên đơn đã cung cấp: Giấy ủy quyền đề ngày 15-4-2020 của chị Phạm Thị D và anh Nguyễn Văn X; Hợp đồng tín dụng số: 5101-LAV-202001296 ngày 16-4-2020 và 02 Hợp đồng sửa đổi Hợp đồng tín dụng số: 5101-LAV-202001296 ngày 16-4-2020, Hợp đồng tín dụng số: 5101-LAV-202001946 ngày 10-6-2020 và các Phụ lục hợp đồng về việc nhận tiền vay kèm theo 02 hợp đồng tín dụng này; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 5101-LCL-202000809 ngày 15-4-2020, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 5101-LCL-202000810 ngày 15-4-2020, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 5101-LCL-202000807 ngày 15-4-2020, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 5101LCL201901710 ngày 07-6-2019, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 5101LCL201901711 ngày 07-6-2019.

[3.2] Về phía bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh X và chị D luôn vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.3] Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại các Điều 70, 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, các bên đương sự có nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Việc bị đơn cố tình vắng mặt, không trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ được coi là từ bỏ việc chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trước yêu cầu của

nguyên đơn. Bởi vậy, Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của Ngân hàng N và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ để giải quyết vụ án.

[5] Xét Hợp đồng tín dụng số: 5101-LAV-202001296 ngày 16-4-2020 và Hợp đồng tín dụng số: 5101-LAV-202001946 ngày 10-6-2020, được ký kết giữa Ngân hàng N Chi nhánh huyện Đắk Tô với anh Nguyễn Văn X và chị Phạm Thị D có nội dung, hình thức phù hợp quy định của Bộ luật Dân sự và Luật Các tổ chức tín dụng; các chủ thể tham gia giao kết hoàn toàn tự nguyện và có đầy đủ tư cách chủ thể; mục đích hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy, hợp đồng này có hiệu lực thi hành. Mặt khác, Phụ lục hợp đồng về việc nhận tiền vay kèm theo 02 hợp đồng tín dụng này thể hiện, sau khi ký kết hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền cho vay. Từ đó có đủ cơ sở xác định vợ chồng anh X – chị D có vay của Ngân hàng N các khoản tiền như phía nguyên đơn trình bày là đúng.

[7] Về yêu cầu của Ngân hàng, buộc anh X và chị D trả tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 30-7-2021 là 2.837.721.596 đồng, trong đó: Khoản vay ngày 16-4-2020 là 1.451.796.939 đồng (Nợ gốc 1.375.700.000 đồng, tiền lãi trong hạn 64.224.460 đồng, lãi nợ quá hạn 11.872.479 đồng); Khoản vay ngày 10-6-2020 là 1.385.924.657 đồng (Nợ gốc 1.250.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 128.219.178 đồng, lãi nợ quá hạn 7.705.479 đồng), đồng thời phải tiếp tục trả tiền lãi nợ quá hạn kể từ ngày 31-7-2021 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc của từng khoản vay: Là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại 02 hợp đồng tín dụng nêu trên và Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, được công bố theo Quyết định số: 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, phù hợp các bảng kê tính nợ gốc và lãi suất do nguyên đơn cung cấp. Bởi vậy, phần yêu cầu trả nợ gốc và tiền lãi của Ngân hàng được chấp nhận.

[8] Hồ sơ vụ án cũng thể hiện: Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, anh Nguyễn Văn X và chị Phạm Thị D đã ký 05 Hợp đồng để thế chấp cho Ngân hàng N Chi nhánh huyện Đắk Tô các tài sản gồm:

[8.1] Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 38, tờ bản đồ số 24, địa chỉ thửa đất: Thôn Đắk Vang, xã Sa Loong, huyện Ngọc Hồi, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành: CM 585264 ngày 13-6-2018 do Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp cho ông Nguyễn Văn X và bà Phạm Thị D.

[8.2] Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại các thửa đất:

- Thửa đất số 47, tờ bản đồ số 55, địa chỉ thửa đất: Thôn Đắk Vang, xã Sa Loong, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành: CH 283429 ngày

30-5-2019 do Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp cho ông Nguyễn Văn X và bà Phạm Thị D.

- Thừa đất số 48, tờ bản đồ số 55, địa chỉ thửa đất: Thôn Đăk Vang, xã Sa Loong, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành: CH 283428 ngày 30-5-2019 do Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp cho ông Nguyễn Văn X và bà Phạm Thị D.

- Thừa đất số 40, tờ bản đồ số 55, địa chỉ thửa đất: Thôn Đăk Vang, xã Sa Loong, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành: CK 461493 ngày 11-4-2018 do Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp cho ông Nguyễn Văn X và bà Phạm Thị D.

- Thừa đất số 04a, tờ bản đồ số 31, địa chỉ thửa đất: Thôn Đăk Vang, xã Sa Loong, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành: BT 157535 ngày 13-6-2016 do Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp cho vợ chồng ông Nguyễn Văn X - bà Phạm Thị D.

Các hợp đồng thế chấp được ký kết giữa Ngân hàng N Chi nhánh huyện Đăk Tô với anh Nguyễn Văn X và chị Phạm Thị D phù hợp quy định về cả nội dung, hình thức và chủ thể tham gia giao kết; đã được công chứng và đăng ký thế chấp theo đúng pháp luật, nên có hiệu lực thi hành. Tại thời điểm giải quyết vụ án, các tài sản thế chấp đang thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh X và chị D, không có ai tranh chấp. Bởi vậy, chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, tuyên: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu đồng bị đơn không trả đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[9] Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để trả tổng số nợ theo từng khoản vay của Ngân hàng N thì anh X và chị D phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ còn lại và Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh X, chị D để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

[10] Với những nhận định, phân tích ở trên, có đủ cơ sở khẳng định: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N và quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi là có cơ sở, được chấp nhận.

[11] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.200.000 đồng. Khoản chi phí này, Ngân hàng đã tạm ứng, nên anh X và chị D phải có nghĩa vụ hoàn trả.

[12] Về án phí: Anh X và chị D phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 2.837.721.596đồng, nên phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền 88.754.431đồng. Ngân hàng không phải chịu án phí sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Áp dụng:*

*- Khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 70, 91, 144, 147, 157, 158, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;*

*- Khoản 2 Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng;*

*- Các Điều 278, 280, 357, 463, 466, 468, 470, 500, 501, 502 Bộ luật Dân sự;*

*- Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (được công bố theo Quyết định số: 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao);*

*- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016;*

**Xử:**

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.**

Buộc anh Nguyễn Văn X và chị Phạm Thị D phải trả cho Ngân hàng N tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 30-7-2021 là 2.837.721.596đồng (*hai tỷ, tám trăm ba mươi bảy triệu, bảy trăm hai mươi mốt nghìn, năm trăm chín mươi sáu đồng*), trong đó:

- Đối với khoản vay ngày 16-4-2020: Tổng số tiền phải trả là 1.451.796.939đồng (gồm nợ gốc: 1.375.700.000đồng, tiền lãi trong hạn: 64.224.460đồng, lãi nợ quá hạn: 11.872.479đồng).

- Đối với khoản vay ngày 10-6-2020: Tổng số tiền phải trả là 1.385.924.657đồng (gồm nợ gốc: 1.250.000.000đồng, tiền lãi trong hạn: 128.219.178đồng, lãi nợ quá hạn: 7.705.479đồng).

Kể từ ngày 31-7-2021 cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ gốc của từng khoản vay, anh Nguyễn Văn X và chị Phạm Thị D phải tiếp tục trả cho Ngân hàng N khoản tiền lãi nợ quá hạn của số tiền vay chưa thanh toán tương ứng với từng

khoản vay, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 5101-LAV-202001296 ngày 16-4-2020 và Hợp đồng tín dụng số: 5101-LAV-202001946 ngày 10-6-2020. Mức lãi suất mà anh Nguyễn Văn X và chị Phạm Thị D tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N theo quyết định của bản án này sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của Ngân hàng N.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu anh Nguyễn Văn X và chị Phạm Thị D không trả đủ tổng số tiền còn nợ theo từng hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi kê biên, bán đấu giá để thu hồi nợ đối với tài sản thế chấp cho từng khoản vay, cụ thể như sau:

- Đối với khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số: 5101-LAV-202001296 ngày 16-4-2020 là các tài sản thế chấp gồm:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 04a, tờ bản đồ số 31, địa chỉ thửa đất: Thôn Đăk Vang, xã Sa Loong, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành: BT 157535 ngày 13-6-2016 do Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp cho vợ chồng ông Nguyễn Văn X - bà Phạm Thị D. (Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 5101-LCL-202000807 ngày 15-4-2020);

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 40, tờ bản đồ số 55, địa chỉ thửa đất: Thôn Đăk Vang, xã Sa Loong, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành: CK 461493 ngày 11-4-2018 do Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp cho ông Nguyễn Văn X và bà Phạm Thị D. (Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 5101-LCL-202000809 ngày 15-4-2020).

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 24, địa chỉ thửa đất: Thôn Đăk Vang, xã Sa Loong, huyện Ngọc Hồi, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành: CM 585264 ngày 13-6-2018 do Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp cho ông Nguyễn Văn X và bà Phạm Thị D. (Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 5101-LCL-202000810 ngày 15-4-2020).

- Đối với khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số: 5101-LAV-202001946 ngày 10-6-2020 là các tài sản thế chấp gồm:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 47, tờ bản đồ số 55, địa chỉ thửa đất: Thôn Đăk Vang, xã Sa Loong, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn

liền với đất số phát hành: CH 283429 ngày 30-5-2019 do Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp cho ông Nguyễn Văn X và bà Phạm Thị D. (Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 5101LCL201901711 ngày 07-6-2019);

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 55, địa chỉ thửa đất: Thôn Đắc Vang, xã Sa Loong, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành: CH 283428 ngày 30-5-2019 do Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp cho ông Nguyễn Văn X và bà Phạm Thị D. (Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 5101LCL201901710 ngày 07-6-2019).

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để trả tổng số nợ của Ngân hàng theo từng hợp đồng tín dụng, thì anh Nguyễn Văn X và chị Phạm Thị D phải trả cho Ngân hàng N số tiền nợ còn lại và Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh Nguyễn Văn X và chị Phạm Thị D để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

## **2. Về chi phí tố tụng:**

Buộc anh Nguyễn Văn X và chị Phạm Thị D phải hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.200.000đồng (*năm triệu, hai trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày Ngân hàng N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Văn X và chị Phạm Thị D không trả đủ số tiền chi phí tố tụng nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả là 10%/năm.

## **3. Về án phí:**

Buộc anh Nguyễn Văn X và chị Phạm Thị D phải nộp 88.754.431đồng (*tám mươi tám triệu, bảy trăm năm mươi bốn nghìn, bốn trăm ba mươi một đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 43.454.000đồng (*bốn mươi ba triệu, bốn trăm năm mươi bốn nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số AA/2016/ 0002663 ngày 29-3-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi.

**4. Về kháng cáo:** Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30-7-2021), nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm. Đồng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND t. Kon Tum;
- VKSND h. Ngọc Hồi;
- Các đương sự;
- Chi cục THA h. Ngọc Hồi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Phan Trường Thọ**